

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Thoại

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST – HNGĐ ngày 21/2/2022 về tranh chấp: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quang T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố H. “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố H. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, anh T trình bày: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, thành phố H ngày 08/11/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình ở xóm B, thôn P, xã P, huyện G, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, chị H có lối sống độc đoán, không tôn trọng gia đình nhà chồng, sống không biết trên dưới, không chào hỏi người lớn trong gia đình. Đến tháng 05/2021 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không tiếp tục cuộc sống vợ chồng một mỗi, từ tháng 6/2021 anh T đi làm ở Công ty xử lý nước thải ở thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và ăn ở tại công ty, sống ly thân cắt đứt quan hệ sinh lý với chị H từ tháng 6/2021 đến nay. Tháng 11/2021, anh T có nộp đơn xin ly hôn với chị H tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, sau đó vì lý do công việc nên đã rút đơn về. Đến tháng 02/2022 lại nộp đơn xin ly hôn. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, nên yêu cầu xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 28/12/2017. Hiện nay cháu U vẫn đang sống cùng chị H là mẹ tại xóm 3, thôn P 2 (là nhà của bố mẹ đẻ của chị H), xã P, huyện G, thành phố H. Khi ly hôn, nếu chị H nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chị nhất trí với phần trình bày của anh T.

Về quan hệ vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình của anh T ở thôn Thù Đồng 1, xã P, huyện G, thành phố H. Đến năm 2017 sinh cháu Lê Nhã U thì chị H xin phép gia đình nhà chồng về nhà đẻ để nghỉ ngơi vì gia đình chồng không có ai chăm sóc. Sau khi sinh con được 6 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, anh T có mắng chị, và có lời lẽ không đúng mực với bố mẹ đẻ chị, sau đó anh T bỏ về thôn P, P, Gia Lâm, Hà Nội. Từ đó đến nay thì vợ chồng vẫn sống với nhau bình thường, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ nhặt. Quá trình vợ chồng chung sống, anh T cũng không đóng góp tiền nuôi con. Đến tháng 6 năm 2021, anh T đi làm ở Từ Sơn, Bắc Ninh thì anh T không về nhà với mẹ con chị nữa mà ở lại Công ty ăn ở, sinh hoạt. Từ tháng 12/2021 anh T cũng không về nhà ở P sống, anh T sinh sống ở đâu thì chị không biết, có một vài lần anh T về nhà thăm nhà vào ban ngày rồi lại đi ngay. Vợ chồng cũng cắt đứt quan hệ sinh lý từ nhiều tháng nay. Chị H cũng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả vì anh T kiên quyết xin ly hôn. Nay chị xác định chị và con không bỏ chồng, bỏ bố, vẫn còn tình cảm yêu thương anh T, anh T yêu cầu xin ly hôn chị không đồng ý. Chị H hứa sẽ thay đổi bản thân, điều chỉnh lại mình để vợ chồng hòa hợp hơn, để vợ chồng cùng đoàn tụ và chăm sóc gia đình, con cái.

Về con chung: Nếu ly hôn chị H xin nuôi con và yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản nên không đề nghị giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H; về con chung: Giao cháu U cho chị H nuôi dưỡng, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện G, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu, tôn trọng nhau nhau. Tháng 6/2021 vợ chồng sống ly thân đã cắt đứt hẳn quan hệ tình cảm, sinh lý và ly thân nhau từ đó cho đến nay; mặt khác anh T đã làm đơn ra Tòa để giải quyết ly hôn, sau đó rút đơn nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng, chị H cũng cố gắng thay đổi bản thân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T với chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng:

Xét thấy chị H nuôi con bảo đảm việc dạy dỗ, học tập, nuôi dưỡng; đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên giao cho chị nuôi cháu là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T xin cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng còn chị H đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Căn cứ mức thu nhập của anh T khoảng 5.000.000 đồng và nhu cầu thực tế nuôi dưỡng ở địa phương là 2.000.000/tháng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang T được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nhã U, sinh ngày 28/12/2017 cho chị H nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2022 đến khi cháu U thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, cộng là 600.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0073067 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm; anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Quang

